

Bản án số:245/2020/DSST.

Ngày: 04-9-2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.
2. Bà Võ Thị Mai.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài, cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2020/TLST-DS, ngày 26/5/2020, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2020/QĐST-DS ngày 27/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2020/QĐST-DS ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: đường K, phường A, quận B, Tp.HCM (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm:1984; địa chỉ: đường T, Phường M, quận G, Tp.HCM; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 4/5/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K ông D trình bày: Ngày 6/8/2019 Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Nguyễn Đức N hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 40049217000040 với số tiền vay là 50.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là 22%/ năm (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn là 33%/ năm, mục đích vay tiêu dùng.

Ngày 23/8/2019 ông N sử dụng thẻ mua hàng hóa với số tiền 49.500.000 đồng. Ngày 4/9/2019 ông N thanh toán cho Ngân hàng được 2.500.000 đồng. Ngày 6/9/2019 ông N lại sử dụng thẻ vì sa để mua hàng hóa

số tiền 2.500.000 đồng. Từ ngày 7/9/2019 ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 5/10/2019 Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/7/2020 ông N còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 49.500.000 đồng, lãi phát sinh là 10.048.246 đồng, tiền phạt vi phạm là 1.529.129 đồng. Tổng cộng là 61.577.375 đồng. Nay, Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông N trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật triệu tập ông Nguyễn Đức N đến Tòa để làm việc, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vẫn vắng mặt nên không ghi được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông N phải trả số tiền là 62.800.635 đồng (trong đó tiền gốc còn lại là 49.500.000 đồng, lãi trong hạn 11.271.506 đồng, tiền phạt chậm trả là 1.751.253, phí vượt hạn mức là 277.678 đồng tạm tính đến ngày 03/9/2020. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông N chậm nghĩa vụ thanh toán thì kể từ ngày xét xử, ông N phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền trên. Phía bị đơn, ông N đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, nhận thấy việc chậm trả tiền của bị đơn ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết: Ông Nguyễn Đức N có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K do đó có cơ sở xác định giữa ông N và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự như qui định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên quan hệ tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông N cư ngụ tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp.HCM.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đúng theo qui định của pháp luật, triệu tập các bên đến tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Do

đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc ông Nguyễn Đức N trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 49.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định rằng ông N có ký với Ngân hàng TMCP K hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 50.000.000 đồng. Ông N đã dùng thẻ visa ngân hàng cấp để mua hàng hóa hai lần tổng số tiền 52.000.000 nhưng chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 2.500.000 đồng và ngưng không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Do ông N vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, vi phạm mục 1.3 Điều 16 của bản Quy định phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng mà ông N đã thỏa thuận cùng Ngân hàng là có cơ sở.

[4] Về tiền lãi, phí phạt: Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng thỏa thuận nên ông N phải thanh toán tiền lãi trong hạn là 11.271.506 đồng, tiền phạt chậm trả 1.751.253 đồng, phí vượt hạn mức là 277.678 đồng theo bảng chiết tính của Ngân hàng dựa trên quyết định số 831/QĐ –NHKL ngày 14/4/2020 về ban hành biểu phí dịch vụ của Ngân hàng K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ nhưng ông N không đến tòa để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử. Do đó căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần phải buộc ông N có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.140.021 đồng, nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K

Ông Nguyễn Đức N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 49.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.271.506 đồng, tiền phạt chậm trả là 1.751.253 đồng, phí vượt hạn mức là 277.678 đồng. Tổng cộng là 62.800.437 (Sáu mươi hai triệu tám trăm ngàn bốn trăm ba mươi bảy) đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 04/9/2020 ông N còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

2. Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm là 3.140.021 (Ba triệu một trăm bốn mươi ngàn không trăm hai mươi một) đồng ông N chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.416.362 (Một triệu bốn trăm mười sáu ngàn ba trăm sáu mươi hai) đồng theo biên lai thu số AA/2019/00026187 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM.
- VKSNDQG;
- CCTHAQG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Bảo Thu

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hội